

TÌM HIỂU NHÂN VẬT ĐỨC SƯ CỔ HÀ MINH NHỰT

• Lê Thu Vân^(*)

Tóm tắt

Cù lao Ông Chưởng thuộc huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang là nơi có lịch sử hình thành và phát triển gần 320 năm (1700- 2019) với nhiều biểu hiện văn hóa đặc sắc. Một trong số đó là giai thoại về các nhân vật lịch sử. Nếu vào buổi đầu khai hoang lập nghiệp, danh nhân Nguyễn Hữu Cảnh đã để lại dấu ấn vô cùng sâu đậm trên khắp cù lao thì vào nửa đầu thế kỷ XIX, trong một khu vực nhỏ tại xã Kiến An cũng xuất hiện một nhân vật được cư dân quanh vùng hết lòng tôn kính gọi là Đức sư Cổ Hà Minh Nhựt. Cuộc đời, công trạng và mối liên hệ của ngài với giáo chủ đạo Bửu Sơn Kỳ Hương hàm ẩn nhiều điều ly kỳ, thú vị phản ánh tương đối rõ nét nếp sống, phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo... của địa phương nhưng đáng tiếc không được sử sách ghi chép lại để lưu truyền hậu thế. Do vậy, trong bài viết này, chúng tôi sẽ trình bày đôi nét về tiểu sử và làm rõ những điều bí ẩn trong cuộc đời của Đức sư Cổ Hà Minh Nhựt, đồng thời luận giải vai trò của ngài trong mối quan hệ với Phật thầy Tây An Đoàn Minh Huyền với mục đích góp phần cung cấp thông tin xác đáng về một nhân vật văn hóa - lịch sử cho nguồn tư liệu địa phương tỉnh An Giang.

Từ khóa: Đức sư Cổ, Hà Minh Nhựt, Phật thầy Tây An, Bửu Sơn Kỳ Hương An Long cổ tự.

1. Đặt vấn đề

Đức sư Cổ Hà Minh Nhựt là một nhân vật có thật trong lịch sử văn hóa địa phương tỉnh An Giang, sinh trưởng vào đầu thế kỷ XIX tại làng Kiến Long (nay là xã Kiến An, huyện Chợ Mới) trên cù lao Ông Chưởng. Những giai thoại về ngài đều rất thú vị, dễ làm người nghe say mê và kính phục. Qua lời kể dân gian, Đức sư Cổ được hình dung như một vị hòa thượng đức cao vọng trọng, tinh thông Phật pháp, hết lòng chữa bệnh cứu người, tiếng thơm nổi danh khắp vùng. Ngôi chùa do ngài lập ra và đặt danh hiệu là An Long để chữa bệnh và hoằng dương Phật pháp hiện nay vẫn hương khói đều đặn, người dân trong vùng do kính nể nên lấy đức danh dân gian của ngài đặt cho chùa gọi là chùa Cổ. Nếu xét đến sự linh ứng và những công trạng mà ngài đã đem lại cho địa phương thì Đức sư Cổ xứng đáng là một nhân vật được sử sách công nhận và trân trọng. Tuy nhiên, khi tra cứu trong các quyển lịch sử, văn hóa địa phương An Giang, đặc biệt là trong công trình đồ sộ *Địa chí An Giang*, chúng tôi vẫn không thu thập được bất kỳ thông tin nào nhắc đến tên tuổi của Đức sư Cổ. Nhận thấy tính cấp thiết của vấn đề, chúng tôi tiến hành khảo sát chùa An Long, nơi ghi nhận dấu tích sâu đậm nhất về cuộc đời Đức sư Cổ thì phát hiện có hai chỗ ghi lại tiểu sử của ngài: thứ nhất

là trên bia mộ của Đức sư Cổ; thứ hai là trong một tập giấy mỏng (dày 7 trang) có tựa đề “Tiểu sử của Đức sư Cổ chùa An Long cổ tự” được các vị lão niên trông coi ngôi chùa ngày trước chép và lưu giữ lại để người sau tìm hiểu. Khi so sánh hai văn bản này, chúng tôi phát hiện bản trên bia mộ thực chất là bản tóm tắt từ tập giấy mỏng nên có thể nói tập giấy đó là toàn bộ tài liệu quan trọng ban đầu mà chúng tôi có được.

Do sách sử có ghi chép về Đức sư Cổ quá ít ỏi, chúng tôi tiếp tục thu thập thêm thông tin bằng phương pháp phỏng vấn sâu các vị lão niên sinh sống trong khu vực gần chùa An Long đã từng có một khoảng thời gian làm việc trong chùa và ghi chép những câu trả lời ấy thành nhật ký điền dã. Điều đáng tiếc là những vị trông coi ngôi chùa lâu năm có hiểu biết tường tận về tiểu sử của Đức sư Cổ đều đã qua đời, còn lại các thế hệ nối tiếp sau thì sự am hiểu có chút mơ hồ và không nhất quán nên thông tin thu thập bằng phương pháp phỏng vấn sâu chỉ đạt độ tin cậy ở mức trung bình. Tuy nhiên, trong quá trình phỏng vấn, chúng tôi vẫn tìm được những thông tin chung, trùng khớp về Đức sư Cổ và may mắn nhìn ra được manh mối về mối quan hệ giữa ngài và Phật thầy Tây An nên tiếp tục mở rộng tìm kiếm tư liệu trong các quyển sách đề cập đến cuộc đời Phật thầy và thu thập được một ít thông tin quan trọng, hé lộ thêm đức tính và nhân cách của Đức sư Cổ Hà Minh Nhựt.

^(*) Trường Đại học An Giang.

Dựa trên tất cả thông tin có được từ việc tra định tài liệu lịch sử, các văn bản lưu hành nội bộ như sách chép về Phật thầy Tây An và bản thảo về tiểu sử của Đức sư Cổ cùng với những ghi chép trong nhật ký điền dã, tất nhiên đây vốn dĩ là những thông tin chưa được chứng thực nhưng vẫn có giá trị nhất định nào đó đối với vấn đề nghiên cứu, đặc biệt là về mảng văn hóa dân gian nên chúng tôi có cơ sở đưa ra một số giả thuyết sau:

- Giai đoạn sinh thời của Đức sư Cổ cũng là lúc Nam Bộ bước vào thời kỳ đầu đón nhận hiện tượng “ông Đạo”, mặc dù xuất thân là Phật tử nhưng với những đặc điểm kỳ lạ có phần tương đồng, Đức sư Cổ có thể xem là một ông Đạo sơ khởi như những ông Đạo sau này được chăng?

- Mối quan hệ giữa Đức sư Cổ và Phật thầy Tây An kỳ thực có ý nghĩa gì? Phải chăng chính Đức sư Cổ là người đã nhen nhóm ý tưởng cho Phật thầy hoạt động tôn giáo và phái sinh ra tôn giáo mới?

- Nguyên nhân nào khiến cho danh trạng của Đức sư Cổ không được sách sử ghi chép lại, có phải vì sinh thời Đức sư Cổ được người dân kính trọng quá mức nên ra sức che giấu nên những công trạng thần kỳ ấy chứ kỳ thực không có! Hay vì Đức sư Cổ chỉ hoạt động co cụm trong một phạm vi nhỏ hạn chế, trong khi Phật thầy Tây An có phạm vi hoạt động rộng hơn, còn khai sinh tôn giáo bản địa đầu tiên của tỉnh An Giang nên dần dần hình ảnh của Đức sư Cổ trở nên nhỏ bé, bị phai mờ đi và bị lịch sử lãng quên?

2. Nội dung

2.1. Sơ lược tiểu sử của Đức sư Cổ Hà Minh Nhựt

Đức sư Cổ Hà Minh Nhựt tên thật là Hà Văn Dao, sinh năm 1802, không rõ tên tuổi ông bà thân sinh, chỉ biết cha mẹ ngài là những người nông dân chất phác, sinh quán tại thôn Kiến Long (xã Kiến An, huyện Chợ Mới hiện nay). Đức sư Cổ lúc nhỏ tuy theo hướng canh điền, hàng ngày ở nơi đồng ruộng nhưng sớm lộ khí chất là người có duyên với nhà Phật vì chỉ ăn được cơm chay lạt, không chịu được mùi cá mắm. Vào mùa lúa chín, lúc bấy giờ xung quanh đất chùa có lúa sạ (còn gọi là lúa sớm), tháng 10 là cắt không để cho chim ăn, ngài

nghe lời thân sinh đi coi chim giữ lúa, khi đi không quên đem theo một bầu muối để dùng với cơm. Mặc dù mang tiếng coi chim giữ lúa nhưng ngài không bao giờ đuổi chúng đi, mặc tình để cho chim ăn lúa thoải mái vì lúc ấy ngài chỉ chú tâm chơi trò nặn đất sét với các bạn đồng niên, lạ một điều là thay vì lấy bùn nắn thành cục đất chọi chim thì ngài lại nắn thành cốt Phật theo trí tưởng tượng của mình và tự hình dung ra nghi thức yên vị cho các tượng Phật, kính cẩn để trên chòi canh. Khi cha Đức sư Cổ ra đồng thăm lúa, thấy lúa bị chim ăn gần hết còn ngài thì mãi mê nhìn ngắm tượng Phật nên ông vô cùng giận dữ, lập tức về nhà đem theo một cái thúng con rồi trở vô đồng gom tất cả tượng Phật mà Đức sư Cổ đã nắn bỏ vô thúng, đổ hết xuống lòng (rạch) Ông Chường. Điều kỳ lạ là tất cả tượng Phật đều nổi lên và trôi nhẹ theo dòng nước trước sự chứng kiến đầy ngạc nhiên của đồng đạo bà con lối xóm trong đó có thân sinh của Đức sư Cổ. Ngài vốn có tánh linh, đoán biết được sự việc nên đã sớm chạy xuống phía dưới dòng chảy và đón vớt tượng Phật lên hết. Mọi người trong xóm bàn luận xôn xao trước sự linh thiêng của Đức sư Cổ, cha ngài từ đó cũng đồng ý cho ngài được tu hành theo ý nguyện.

Lúc trước, chỗ nền chùa trũng thấp như lòng chảo, vốn là mảnh đất của ông Hà Văn Hòa là người trong thân tộc cúng dường cho Đức sư Cổ cốt để ngài dựng am tu hành, Đức sư Cổ nảy ý cắm một cái cây khô ngay giữa nền đất làm cái cọc tiêu. Ngài nói nếu người nào ném trúng cái cọc tiêu ấy sẽ được thưởng một trái chuối. Những đứa mục đồng ngày nào đi ngang cũng nhặt đất mà chọi vào cái cọc tiêu nhưng chẳng bao giờ trúng, lâu dần chỗ lòng chảo được những cục đất chọi lấp đầy, Đức sư Cổ nhân đó san lại cho bằng phẳng để làm nền chùa. Nhờ sự màu nhiệm đồn đại trên, bà con trong xóm cùng giúp đỡ ngài cất tạm một cái am nhỏ bằng cây tre, lợp tranh để cho Đức sư Cổ có chỗ tu hành, thờ Phật. Từ đó, ngài không còn theo đuổi việc đồng áng nữa, hằng ngày quyết chí tu hành. Lúc bấy giờ Đức sư Cổ vẫn chỉ là một đứa trẻ.

Vào khoảng năm 1810⁽¹⁾, sự đồn đãi về Đức sư Cổ ngày càng lan rộng nên người sùng mộ đạo Phật tới chiêm bái đồng đạo, cái am lúc trước được xây dựng lại thành một ngôi chùa cây rộng rãi hơn.

Tiếp đó, Đức sư Cố đón cây cà dâm, tự tay ngài khắc cốt Phật khéo léo và một lần nữa theo tâm linh, Đức sư Cố làm lễ an vị Đức Phật theo ngôi thứ để cho bá tánh nhận diện, đồng thời đặt hiệu cho chùa là An Long. Tại đây, ngài vừa tu hành vừa trị bệnh cho dân chúng trong vùng, nhất là những bệnh tâm trí cuồng loạn. Tương truyền, ngài dùng thuật ngữ thuyết pháp cho người bệnh nghe, dần dần họ hết bệnh và quay đầu tu hành. Phương pháp trị bệnh của Đức sư Cố được lan truyền, dân chúng tới chùa An Long dâng hương, chữa bệnh ngày càng nhiều, ghe xuồng lúc nào cũng đậu kín hai bên rạch Ông Chường, làm cho vùng này trở nên rất náo nhiệt. Điều đặc biệt khiến cho dân chúng càng nể trọng hơn là Đức sư Cố không chỉ chữa bệnh cứu người mà ngài còn vừa dạy dân chúng tu hành, làm điều thiện vừa nhắc nhở họ đừng quên bản thân phải có bổn phận với quê hương, đất nước.

Khoảng 15 năm sau, Đoàn Minh Huyền có dịp ghé chùa An Long và gặp gỡ Đức sư Cố, trong Sám giảng Phật thầy Tây An có câu “Lại chùa sư Nhựt ở rày hôm mai” như một chứng cứ hữu hiệu cho sự gặp gỡ này⁽²⁾. Lúc đàm đạo, Phật thầy xưng hô danh nghĩa với Đức sư Cố bằng Ngài và tỏ ra ái mộ sự tu hành trên nền tảng Chánh pháp. Trước khi rời đi, Phật thầy có ký thác một tượng Phật A-di-đà bằng đồng cho nhà chùa.

Thời bấy giờ triều đình nhà Nguyễn có nhiều vị rất sùng kính đạo Phật nên mấy năm sau quan Tổng trấn An Giang mời các nhà sư trong tỉnh, trong đó có Đức sư Cố đến Tỉnh đường làm lễ dâng đàn thuyết kinh, Đức sư Cố thuyết kinh rất lưu loát trước đại chúng. Sau sự kiện đó, vì mến mộ đức hạnh của ngài, quan Tổng trấn khuyên Đức sư Cố đến gặp Hòa Thượng Tổ ở Cái Bè (Tiền Giang) để học và tầm chánh lý. Đức sư Cố vâng theo lệnh tìm đến nơi, ngài được Hòa Thượng Tổ tiếp đón rất niềm nở và thuyết giảng giáo lý, học đến đâu Đức sư Cố đều thông suốt đến đó, trong một thời gian ngắn đã thấu đạt mọi chân lý. Ngài Hòa Thượng Tổ cho rằng sự sáng suốt thiên tính của Đức sư Cố xứng đáng là bậc dẫn đạo và đổi danh ngài từ Hà Văn Dao thành Hà Minh Nhựt có ý nghĩa trí tuệ sáng suốt như mặt trời và truy phong sắc Hòa Thượng cho ngài. Sau đó, Đức sư Cố trở về chùa An Long trong sự chào đón nồng nhiệt của hàng

ngàn Phật tử, ngài tiếp tục trị bệnh và hành đạo theo chân lý của Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni.

Khoảng năm 1840, phu nhân quan Tổng trấn An Giang mắc bệnh nặng đang trong cơn thập tử nhất sinh, nhiều thầy thuốc được mời tới để cứu chữa nhưng bệnh tình không những không thuyên giảm mà ngày càng trầm trọng. Thấy vợ trong cơn hấp hối, quan Tổng trấn nhớ đến Đức sư Cố đã trở về chùa nên nhanh chóng đưa bà đến trị bệnh. Theo lời người dân kể lại, ngài chỉ dùng thuật ngữ thuyết giảng và cho bà uống nước lã, vài giờ sau vị phu nhân bắt đầu tỉnh táo lại và dần dần khỏe mạnh. Quan Tổng trấn hết lòng cảm kích, ông tiến hành hợp thức hóa sắc phong Hòa Thượng và thành tích đạo đạt tu hành cùng phương pháp trị bệnh của Đức sư Cố đến triều đình. Triều đình sau đó ban tứ một thanh gươm dài, lưỡi bằng vàng, cán khắc chạm tứ quý và bản văn ấn khuyết ghi rõ sắc lệnh sát tà trị bệnh, chứng minh Đức sư Cố là một vị Hòa Thượng có đủ khả năng hành pháp hữu hiệu. Tương truyền gươm báu này hiện đang ở dưới đáy rạch Ông Chường, chưa ai tìm được.

Danh trạng của Đức sư Cố ngày càng lan rộng, quan Tổng trấn trực tiếp ủng hộ trùng tu chùa An Long cho rộng rãi để bá tánh khắp nơi đến làm lễ bái, tu hành, nghỉ ngơi. Dân chúng dâng công bồi đắp xây cất ngôi chùa cột tràm lợp bằng tranh rộng rãi với nghi thức trang nghiêm và phương tiện đầy đủ. Đức sư Cố lúc nào cũng giữ một tình bác ái vị tha, luôn gióng tiếng chuông giáo pháp để mở rộng kiến thức cho hàng vạn Phật tử.

Đức sư Cố Hà Minh Nhựt tịch diệt năm 1877, hưởng thọ 75 tuổi. Hòa Thượng Ký Trang và những vị khác lần lượt trở thành trụ trì của chùa An Long, họ đều là những vị thông đạt chân lý, nối theo chí Đức sư Cố, tiếp tục pháp môn của ngài.

2.2. Mối liên hệ giữa Đức sư Cố và Phật thầy Tây An Đoàn Minh Huyền

Theo tư liệu dân gian ghi chép lại và thông tin truyền miệng được trích trong nhật ký điền dã của chúng tôi, nhân vật quan trọng từng có mối liên hệ với Đức sư Cố là Đức Phật thầy Tây An Đoàn Minh Huyền (gọi tắt là Phật thầy). Ngày nay, danh tiếng của Phật thầy vượt xa Đức sư Cố nhưng trong quá khứ, trước khi nổi danh thì ông đã từng có duyên

gặp gỡ và đàm đạo với Đức sư Cổ khi ấy đã là một vị tăng nhân vô cùng nổi danh trong khu vực. Để có thể lý giải luận điểm Đức sư Cổ có phải là nhân vật quan trọng ảnh hưởng đến tư tưởng và hành động của Phật thầy hay không, chúng tôi bắt đầu bằng việc sơ lược tiểu sử của Phật thầy và so sánh với hành trạng của Đức sư Cổ ở những thời điểm quan trọng.

Phật thầy Tây An tên thật là Đoàn Minh Huyền, sinh năm 1807 tại Tòng Sơn, tổng An Định, huyện Vĩnh An, trấn Vĩnh Thanh (nay xã Mỹ An Hưng A, huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp). Trong các tài liệu có liên quan đến Phật thầy Tây An mà chúng tôi nghiên cứu, thì hầu hết đều thống nhất ghi chép từ lúc ra đời cho đến năm 41 tuổi, không ai rõ Đoàn Minh Huyền sinh trưởng thế nào, có hoạt động gì, chỉ biết khi năm 1849, ông trở lại quê cũ làng Tòng Sơn. Từ đó dân làng mới tìm hiểu và biết được trước khi về đây, ông đã đi khắp các tỉnh Gò Công, Bến Tre, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Rạch Giá, An Giang và đến Thất Sơn. Sau khi trở về quê hương, ông sống cô độc, nghèo nàn, tạm trú dưới mái hiên ngôi đình làng. Thái độ của ông khác thường, như ngây như tỉnh, lời nói hư hư thực thực, hành động có vẻ bí hiểm khó hiểu. Cũng trong năm ấy, nạn dịch tả hoành hành dữ dội, người chết như rạ, dân làng lo sợ, Hương chức trong làng lo lập đàn cúng vái ôn thần và tống gió. Nhưng Đoàn Minh Huyền bác bỏ, cho rằng đó là điều mê tín dị đoan, cho nên ông bị Hương chức đuổi khỏi mái hiên đình. Sau khi từ giã dân làng và họ hàng, ông đi đến nhiều nơi khác, vừa giảng đạo khuyến tu, vừa chữa bệnh cứu người. Theo truyền miệng dân chúng, ông chỉ dùng nước lạnh, giấy vàng mà ngăn được dịch tả đang hoành hành khắp vùng này một cách lạ kỳ, khiến dân chúng vô cùng thần phục. Từ đó, họ đồn đãi rằng ông là Phật thầy giảng phạm cứu dân. Dân chúng các vùng chung quanh kéo đến, ông vừa trị bệnh cho họ vừa giảng về đạo Phật, khuyến khích họ tu hành. Cũng vào năm 1949, tại cốc Ông Đạo Kiến (xã Long Giang, huyện Chợ Mới) ông phái sinh ra đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, tôn giáo bản địa đầu tiên ở Nam Bộ [1, tr. 25-30].

Trình bày đến đây, chúng tôi nhận thấy nhiều điểm quan trọng cần lý giải: theo tiểu sử thì Đức sư Cổ ra đời năm 1802, lớn hơn Đoàn Minh Huyền

5 tuổi, từ nhỏ Đức sư Cổ đã nổi tiếng là người có căn cốt Phật học với nhiều câu chuyện thú vị nêu trên. Khoảng độ mười chín hai mươi tuổi thì Đức sư Cổ bắt đầu trị bệnh cho dân chúng bằng thuyết pháp và nước lã, đặc biệt là những bệnh tâm cuồng trí loạn. Đây là chi tiết đầu mối vì từ nhỏ đến lớn, Đức sư Cổ chỉ tu hành tại quê nhà, hoạt động tôn giáo trong khu vực nơi mình sinh sống và chưa hề vân du đến xứ khác, cũng không thấy ghi chép nào hay truyền tụng gì của dân gian nói rằng ngài đã từng học cách chữa bệnh này từ ai khác. Qua những chi tiết này, có thể xác định cách chữa bệnh bằng thuyết pháp và nước lã do Đức sư Cổ tự nghĩ ra và thực hiện, thời gian đó vào khoảng năm 1822 trở đi, cho đến năm 1840 đánh dấu mốc quan trọng vì ngài cũng chữa bệnh cho phu nhân quan Tổng trấn An Giang theo cách riêng của mình. Trong sách sử và các tài liệu lưu hành nội bộ viết về Phật thầy Tây An thì mãi đến năm 1849, hành trạng của ông mới được ghi chép rõ ràng, đặc biệt có đề cập nhiều đến cách chữa bệnh tương tự như Đức sư Cổ từng thực hiện. Những chi tiết này đồng nghĩa với việc Đức sư Cổ đã chữa bệnh cứu người theo cách thuyết pháp và dùng nước lã trước khi Phật thầy Tây An chữa bệnh và khai đạo. Hơn nữa tại quê hương, Đức sư Cổ vừa chữa bệnh vừa dạy dân chúng lo tu hành và nhắc họ đừng quên bổn phận với quê hương đất nước. Hoạt động này cũng lặp lại khi Phật thầy bắt đầu chữa bệnh và khuyến tu cho bá tánh vào năm 1949.

Theo ghi chép của chùa An Long, 15 năm sau khi chùa An Long được đặt danh hiệu (1837) là thời gian đánh dấu cơ duyên gặp gỡ giữa Đức sư Cổ và Đoàn Minh Huyền, trùng hợp là trong Sám giảng cũng có ghi một dòng ngắn ngủi về sự kiện này, nhưng cũng đủ khẳng định cuộc gặp gỡ này là có thật:

“Rừng rừng thiên hạ tới lui

Về chùa Sư Nhựt ở rày hôm mai” [2, tr. 61].

Tuy trong Sám giảng không nói thêm gì nhiều nhưng bản thảo lưu giữ tại chùa An Long lại có miêu tả sơ lược tính chất của cuộc gặp gỡ này như sau: “Lúc đàm thoại, Đức Phật thầy Tây An xưng hô danh nghĩa với Đức sư Cổ bằng “Ngài” và tỏ ra ái mộ sự tu hành trên nền tảng Chánh pháp. Đức

Phật thầy có ký thác một tượng Phật A-di-đà bằng đồng cho nhà chùa trước khi rời đi” [7, tr. 3]. Nếu đây đúng thật là năm 1837, lúc đó Đức sư Cổ 35 tuổi còn Đoàn Minh Huyền 30 tuổi thì lúc này ông vẫn chưa thuyết pháp và chữa bệnh cứu người, nên không thể có danh xưng Phật thầy, hoặc giả nếu ông đã là Phật thầy nổi danh vang dội thì đáng lẽ ra ghi chép phải miêu tả ngược lại là “Đức sư Cổ phải kính cẩn và ái mộ Phật thầy mới đúng” bởi vì danh xưng Phật thầy Tây An là một hình thái vô cùng tôn quý, được mọi người rất mực ngưỡng mộ. Do vậy, chúng tôi phỏng đoán Đoàn Minh Huyền vào thời điểm này đơn giản là một tín đồ ái mộ danh tiếng của Đức sư Cổ nên ghé thăm với mục đích gặp gỡ và đàm đạo với ngài mà thôi. Chi tiết Đoàn Minh Huyền gọi Đức sư Cổ là “Ngài” càng chứng tỏ Đức sư Cổ là một người được ông đặc biệt coi trọng và mến mộ. Đối với ông, Đức sư Cổ không đơn giản là một vị tu sĩ lớn tuổi hơn mình mà còn là một vị chân tu với tư tưởng và cách hành đạo cao thâm rất đáng học hỏi. Có thể trong khoảng thời gian ở lại chùa An Long và đàm đạo với Đức sư Cổ, Đoàn Minh Huyền đã tận mắt chứng kiến cảnh chữa bệnh cứu người huyền diệu của ngài, cũng như chứng kiến việc Đức sư Cổ dạy dân chúng tu hành, làm điều thiện và hết lòng khuyên nhủ Phật tử đừng quên mình phải có bổn phận với quê hương, đất nước. Phải chăng những tác động chân thực đó tạo tiền đề để Đoàn Minh Huyền khởi phát nhiều điều chuẩn bị hoàn thiện con đường hành đạo riêng của mình. Rất rõ ràng sau này khi Đoàn Minh Huyền bắt đầu trị bệnh, cách cứu chữa lặp lại y như khuôn mẫu của Đức sư Cổ lúc trước nên chúng tôi càng tin tưởng vào giả thuyết có một nhân vật trước cả Phật thầy Tây An đã sử dụng phương pháp chữa bệnh bằng thuyết pháp và nước lã, hướng dẫn dân chúng tu hành và khuyến dạy đạo đức cho họ phải có bổn phận với quê hương, đất nước tạo nên căn gốc học Phật tu Nhân của giáo lý Bửu Sơn Kỳ Hương. Tóm lại, qua những phân tích và lý lẽ trình bày phía trên, chúng tôi có thêm chứng cứ để khẳng định Đức sư Cổ Hà Minh Nhựt chính là nhân vật chủ chốt truyền giao tư tưởng nền tảng chánh pháp sơ khởi để Đoàn Minh Huyền phát khởi một tôn giáo cứu thế rộng khắp vùng Thất Sơn của tỉnh An Giang.

2.3. Một số nhận định

Qua những nội dung đã trình bày, chúng tôi tạm đưa ra một số nhận định sau đây:

Thứ nhất, giai thoại về Đức sư Cổ góp phần chứng minh sự phát triển của đạo Phật thời bấy giờ tại khu vực xã Kiến An trên cù lao Ông Chưởng, đồng thời cũng đánh dấu thời kỳ đầu mạnh mẽ hiện tượng ông Đạo đặc trưng ở Nam Bộ. Do vậy, chúng tôi thấy hoạt động của Đức sư Cổ có phần liên quan đến Phật giáo, có phần mang đặc điểm của một “ông đạo” dân gian thời kỳ đầu, tuy nhiên yếu tố Phật giáo vẫn lấn át hơn, Đức sư Cổ vẫn là một vị hòa thượng lập nhiều công đức hơn là một ông Đạo dù có chút ít đặc điểm tương đồng với hàng ngũ ông Đạo như dùng nước lã và thuật ngữ để trị bệnh.

Thứ hai, nguyên nhân khiến cho tiếng tăm của Đức sư Cổ bị phai mờ là do sự nổi tiếng của Phật thầy Tây An lấn át danh tiếng của ngài. Đoàn Minh Huyền dù (có thể là không) học tập và ngộ ra chân lý về sự hành đạo từ Đức sư Cổ nhưng vì bản thân Đức sư Cổ không hề đưa ra một triết thuyết riêng để rao giảng, kêu gọi quần chúng còn Phật thầy thì có. Đoàn Minh Huyền khai sinh đạo Bửu Sơn Kỳ Hương vô cùng hợp thời với rất nhiều hành động thiết thực như chiêu mộ tín đồ, thu nhận đệ tử là những nhân vật có hào khí anh hùng, nghĩa cử cao đẹp như Quán cơ Trần Văn Thành, Đình Tây, Tăng Chủ... trong khi không khí chống Pháp đang sôi sục tại vùng Thất Sơn. Ngoài ra, Đoàn Minh Huyền còn có đầu óc chiến lược khi lập các trại ruộng, đánh vào tâm lý người nông dân cần đất canh tác sản xuất, ổn định đời sống và an tâm tu hành, hơn nữa không gian lại vươn đến miền Thất Sơn vốn dĩ mang màu sắc linh dị, tôn giáo của ông có điều kiện thuận lợi hòa nhập và thấm sâu vào đời sống tinh thần của người dân nên rất được coi trọng. Từ tôn giáo này lần lượt xuất hiện hai tôn giáo khác là Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hòa Hảo mà lượng tín đồ của Phật giáo Hòa Hảo ngày càng lớn và áp đảo (đặc biệt là ở cù lao Phú Tân, rất gần với cù lao Ông Chưởng) cho đến ngày nay. Do vậy, khi truy nguyên về nguồn gốc thì Đoàn Minh Huyền được xem là ông tổ của cả 3 đạo này, tiêu sử và hành trạng của ông theo đó mà được ghi chép tường

tận, tín đồ khắp nơi đều biết. Trái lại, Đức sư Cổ vốn gốc Phật tử, là trụ trì của một ngôi chùa làng, không tranh đua với đời, không vân du xa xôi mà chỉ hành đạo trong một khu vực hạn chế, co cụm về mặt không gian địa lý và cũng không phái sinh một tôn giáo riêng trong thời buổi loạn lạc, tiểu sử mặc dù có ghi chép lại nhưng không được truyền bá rộng rãi nên dần dần hình ảnh của Đức sư Cổ chìm vào quá khứ trước cái bóng quá lớn của Phật thầy Tây An. Người địa phương biết đến ông vì lẽ gần gũi, người ở phương xa nghe tiếng ông cũng chỉ ngỡ ngợ trong Sám giảng của Phật thầy có một dòng duy nhất nhắc đến tên ông: “Ghé chùa sư Nhựt ở rày hôm mai”! Tóm lại, về mối liên hệ giữa Đức sư Cổ và Phật thầy Tây An, chúng tôi chưa dám khẳng định mà chỉ tạm thời đưa ra giả thuyết Đức sư Cổ chính là nhân vật trung tâm có tác động đến tư tưởng của Phật thầy Tây An. Mọi bằng chứng đều khá ít và còn mơ hồ, cần phải nhờ các chuyên gia có quan tâm tìm hiểu và tra định để tìm ra sự thật quán, để một nhân vật quan trọng của địa phương không bị lịch sử lãng quên.

3. Kết luận

Cuộc đời của Đức sư Cổ Hà Minh Nhựt có liên quan đến diện mạo văn hóa vùng đất cù lao Ông Chưởng với những tính chất, đặc điểm rất đáng chú ý, rất đáng được trân trọng. Trước hết, Đức sư Cổ là tấm gương của sự hiếu học, hiện thân của cái thiện, góp phần hun đúc thêm cho tinh thần nhập thế của Phật giáo. Đối với cuộc đời, ông hòa nhập vào dân chúng, cứu chữa người bệnh, khuyên dạy họ vừa tu hành vừa có bổn phận với quê hương đất nước, tinh thần nhập thế ấy vốn là đặc trưng của các vị thiền sư nước ta đã có từ rất lâu trong lịch sử, nay như được hiển hiện trong con người của Đức sư Cổ - nhân vật xuất hiện vào đầu thế kỷ XIX. Chính vì lẽ đó mà cho đến ngày nay, ngài vẫn là nhân vật xứng đáng được người dân khu vực kính phục mỗi khi nhắc đến và càng xứng đáng để người dân trên toàn khu vực cù lao Ông Chưởng và cả tỉnh An

Giang biết đến. Bên cạnh đó, Đức sư Cổ có thể là nhân vật kết nối, dẫn dắt Đoàn Minh Huyền tìm ra hướng đi trong con đường sáng lập đạo Bửu Sơn Kỳ Hương sau này, ở một chừng mực nào đó, “vị sư Nhựt” mà Sám giảng nhắc tới phải được tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hòa Hảo biết đến. Suy cho cùng, mặc dù cứ liệu lịch sử không nhiều, nguồn tư liệu văn hóa dân gian cũng có đôi chỗ chưa thật sự hợp lý, vì tiểu sử của Đức sư Cổ được bao phủ bởi giai thoại mà giai thoại lúc nào cũng ít nhiều xa rời với lịch sử. Tuy nhiên, dựa vào những thông tin thu thập được trong quá trình điền dã, chúng tôi đã có thể bước đầu khẳng định về sự tồn tại độc lập của nhân vật Đức sư Cổ Hà Minh Nhựt trong lịch sử. Sự tồn tại không thể phủ nhận của ngôi An Long cổ tự, sự kính trọng và tận tâm chiêm bái của tín đồ trong khu vực cùng với sự lưu truyền về tiểu sử và những giai thoại liên quan đến Đức sư Cổ Hà Minh Nhựt chứng tỏ ngài là một nhân vật đặc biệt có tầm ảnh hưởng lớn đến đời sống văn hóa của cư dân trong khu vực. Do vậy, chúng tôi hy vọng qua bài viết này, nhân vật Đức sư Cổ Hà Minh Nhựt sẽ được lịch sử trân trọng và ghi nhận./

Chú thích:

⁽¹⁾ Chúng tôi đặt nghi vấn về số năm, theo ghi khắc của cổng chùa An Long thì chùa chính thức đặt danh hiệu vào năm 1822, với lại nếu là năm 1810, Đức sư Cổ chỉ có 8 tuổi, e là chưa hợp lý, vì vậy chúng tôi thống nhất đưa năm 1822 là năm dựng thành chùa An Long và cũng là mốc thời gian Đức sư Cổ bắt đầu chữa bệnh cứu người.

⁽²⁾ Chúng tôi cho rằng đây là 15 năm sau của năm 1822 tức là năm 1837, lúc này Đoàn Minh Huyền chưa nổi danh, chưa được gọi là Phật thầy Tây An. Do đây là văn bản ghi chép lại, nên chiếu theo cách gọi của người đời sau, nếu đúng phải ghi là Đoàn Minh Huyền.

Tài liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Văn Hào (Biên khảo, phiên âm, chú thích) (1973), *Sám truyền Đức Phật thầy Tây An (Bản điện tử)*, Ban Quản tự Tông Sơn cổ tự và Ban Chẩn tế Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo xuất bản.

[2]. Nguyễn Văn Hào (phiên âm, viết tựa), Nguyễn Hữu Hiệp (sưu tầm, chú thích) (1974), *Bửu Sơn Kỳ Hương - Tiền giảng Đức Phật thầy Tây An (Bản điện tử)*, Diễm Chi xuất bản, Châu Đốc.

- [3]. Nguyễn Văn Hậu, (2000), *Nửa tháng trong miền Thất Sơn*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [4]. Nguyễn Hữu Hiệp (2007), *An Giang, đặc trưng vùng đất bán sơn địa*, NXB Phương Đông, An Giang.
- [5]. Phạm Bích Hợp (2007), *Người Nam Bộ và tôn giáo bản địa*, NXB Tôn giáo, Hà Nội.
- [6]. Sơn Nam (2009), *Tìm hiểu đất Hậu Giang và lịch sử đất An Giang*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [7]. Nhiều tác giả, *Tiểu sử Đức sư Cố An Long cổ tự* (bản in), lưu hành nội bộ.
- [8]. Tạ Chí Đại Trường (2006), *Thần Người và Đất Việt*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- [9]. Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang (2013), *Địa chí An Giang*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy An Giang xuất bản, An Giang.
- [10]. Lê Thu Vân (2015), “Nhật ký điền dã của tác giả, phỏng vấn năm 2015”.

A STUDY ON THE GRAND MONK HA MINH NHUT

Summary

Ong Chuong islet in Cho Moi district, An Giang province has its developmental history of almost 320 years (1700 - 2019) with many unique cultural aspects. One of them is the anecdotes about historical figures. On its first days of residence, the celebrated Nguyen Huu Canh was a highly influential figure all over Ong Chuong islet. Later in the first half of the 19th century, in the small area of Kien An commune, there was another figure revered and respectfully called The Grand Monk Ha Minh Nhut by the local people. His life, merit and relationship with the head of Buu Son Ky Huong religion contain many sensational, interesting things that reflect relatively clearly the lifestyle, customs, beliefs, religion and so on of the local residence, but unfortunately these were not recorded in writing to pass on to their descendants. Therefore, in this article, we will give a brief presentation on biography and clarify the mysteries in the life of The Grand Monk Ha Minh Nhut, and at the same time explain his role in the relationship with The Buddhist Master Tay An Doan Minh Huyen, as such contributing to providing precise information about a cultural-historical character for the local resource of An Giang province.

Keywords: The Grand Monk, Ha Minh Nhut, The Buddhist Master Tay An, Buu Son Ky Huong, An Long Pagoda.

Ngày nhận bài: 21/6/2019; Ngày nhận lại: 14/10/2019; Ngày duyệt đăng: 16/10/2019.